

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14-8-2024

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Dân An.
- Ông Đinh Khắc Quỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị L Th T Tr, sinh năm 1979; địa chỉ: số 25A đường Ng L B, ấp Tr Ân, xã TrĐ, thị xã H, tỉnh T. Vắng mặt

- Bị đơn: Anh Lê Th V, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 2/45 đường Nguyễn Lương Bằng, ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 6 năm 2024, nguyên đơn chị L Th T Tr trình bày:

Về hôn nhân: Chị Tr và anh V tự nguyện tìm hiểu nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý nên chị Tr và anh V bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ

năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến tháng 02/1999 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Đến năm 2000, chị Tr và anh V không chung sống vợ chồng cho đến nay. Nay chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh V có một con chung tên Lê Thị Bích Hạnh, sinh ngày 06/02/1999, hiện cháu Hạnh đã trưởng thành, có khả năng lao động, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Th V trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị Tr về thời gian chung sống, con chung. Anh và chị Tr bắt đầu chung sống với chị Tr từ năm 1998, không đăng ký kết hôn, chị Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn, anh đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung, cháu Lê Thị Bích Hạnh, sinh ngày 06/02/1999, đã trưởng thành, có khả năng lao động, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành phát biểu ý kiến

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị L Th T Tr và anh Lê Th V là vợ chồng; về con chung có 01 con chung tên Lê Thị Bích Hạnh, sinh ngày 06/02/1999, đã trưởng thành, có khả năng lao động, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử lý án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Tr và anh V chung sống với nhau không đăng ký hôn, chị Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Th V có địa chỉ tại: Số 2/45 đường Nguyễn Lương Bằng, ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh. Xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoà Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Tr và anh V vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Tr, anh V.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị L Th T Tr:

Về hôn nhân: Chị Tr và anh V bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1998 và đã có 01 con chung nhưng không có đăng ký kết hôn. Đến năm 1999, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Năm 2000, chị Tr có nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Hoà Thành (nay là thị xã Hoà Thành) và đã đình chỉ tại Quyết định số 18/QĐ ngày 14/6/2000. Từ năm 2000 chị Tr và anh V đã không chung sống vợ chồng cho đến nay. Thấy rằng, chị Tr và anh V có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký, do đó quan hệ hôn nhân của chị Tr và anh V không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nay chị Tr khởi kiện được ly hôn với anh V, căn cứ các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, không công nhận chị Tr và anh V là vợ chồng.

Về con chung: Chị Tr và anh V có một con chung tên Lê Thị B H, sinh ngày 06/02/1999, hiện cháu Hạnh đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr và anh khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị L Th T Tr phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011352 ngày 01/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị Tr đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật tố Tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị L Th T Tr và anh Lê Th V là vợ chồng.

2. Về con chung: Có một con chung tên L Th B H, sinh ngày 06/02/1999 đã thành niên đủ khả năng lao động, không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị L Th T Tr phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011352 ngày 01/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị Tr đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tuấn